

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

(Đề có 02 trang)

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA
CUỐI KÌ I

NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN: TOÁN - KHỐI 8

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Câu 1 (1 điểm): Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a) $4xy + 20y$ (0,5 điểm)

b) $y^2 - 36$ (0,5 điểm)

Câu 2 (1 điểm): Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2x}{x+3} + \frac{6}{x+3}$ (0,5 điểm)

b) $\frac{3}{x-4} - \frac{2}{x+4} - \frac{24}{x^2-16}$ (0,5 điểm)

Câu 3 (1 điểm): Tìm x , biết:

a) $5(2x+1) = 0$ (0,5 điểm)

b) $3x(x-2) - 3x^2 = 6$ (0,5 điểm)

Câu 4 (1 điểm):

Một cửa hàng bán túi xách có chương trình khuyến mãi giảm giá 20% cho tất cả các sản phẩm trên giá niêm yết. Hỏi mẹ bạn An muốn mua một cái túi xách có giá niêm yết là 1.095.000 đồng thì phải trả bao nhiêu tiền cho cửa hàng?

Câu 5 (1 điểm):

Một sân vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 8 m. Biết rằng chiều dài gấp ba lần chiều rộng.

a) Hỏi chiều dài của sân vườn đó là bao nhiêu mét? (0,5 điểm)

b) Tính diện tích của sân vườn. (0,5 điểm)

Câu 6 (2 điểm):

Bác Năm muốn lát gạch một nền nhà hình chữ nhật có chiều rộng là 4 m và chiều dài là 5 m bằng những viên gạch hình vuông có cạnh là 40 cm.

a) Tính diện tích nền nhà và diện tích của viên gạch. (1 điểm)

b) Biết giá bán một viên gạch là 85.000 đồng. Để lát gạch hết nền nhà trên thì bác Năm phải trả bao nhiêu tiền để mua gạch? (Biết diện tích phần mạch vữa không đáng kể) (1 điểm)

Câu 7 (3 điểm):

Cho tam giác ABC vuông tại A có ($AB < AC$). Gọi D, M, E lần lượt là trung điểm của AB, AC, BC.

a) Chứng minh: DE là đường trung bình của tam giác ABC và tứ giác DECA là hình thang. (1 điểm)

b) Chứng minh: tứ giác ADEM là hình chữ nhật. (1 điểm)

c) Từ B vẽ đường thẳng vuông góc với AE cắt DE tại H, AH cắt BC tại K. Chứng minh: DK vuông góc với FK (1 điểm)

HẾT

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

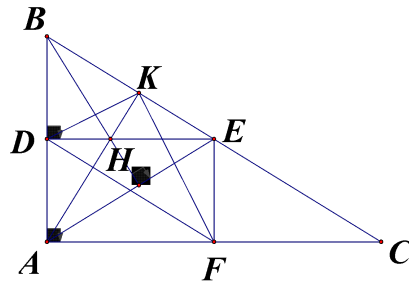
HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA
CUỐI KÌ I

NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN: TOÁN - KHỐI 8

Bài		Điểm
Bài 1 (1điểm)	Phân tích các đa thức sau thành nhân tử: a) $4xy + 20y = 4y(x + 5)$ b) $y^2 - 36 = (y - 6)(y + 6)$	0.5đ 0.5đ
Bài 2 (1điểm)	Thực hiện phép tính: (1 điểm) a) $\frac{2x}{x+3} + \frac{6}{x+3} = \frac{2x+6}{x+3} = \frac{2(x+3)}{x+3} = 2$ b) $\frac{3}{x-4} - \frac{2}{x+4} - \frac{24}{x^2-16}$ $= \frac{3(x+4) - 2(x-4) - 24}{(x+4)(x-4)}$ $= \frac{3x+12-2x+8-24}{(x+4)(x-4)} = \frac{x-4}{(x+4)(x-4)} = \frac{1}{x+4}$	0.5đ 0.5đ
Bài 3 (1điểm)	Tìm x, biết:	0.5đ

Bài 7
(3 điểm
)



- a) Xét tam giác ABC có:
D là trung điểm AB (gt)
E là trung điểm của BC (gt)

Suy ra DE là đường trung bình của tam giác ABC

$\Rightarrow DE \parallel AC$

$\Rightarrow DECA$ là hình thang

- b) Do DE là đường trung bình của $\triangle ABC$ (cmt)

$\Rightarrow DE \parallel AC$ (t/c đường trung bình của tam giác)

$\Rightarrow DE \parallel AM$ ($M \in AC$) (1)

Mặt khác $DE = \frac{1}{2} AC$ (t/c đường trung bình của tam giác)

Mà $AM = \frac{1}{2} AC$ (M là trung điểm AC)

$\Rightarrow DE = AM$ (2)

$\Rightarrow$ Từ (1) và (2) suy ra tứ giác ADEM là hình bình hành
(tứ giác có 1 cặp cạnh đối song song và bằng nhau)

Mà $\angle BAC = 90^\circ$ ($\triangle ABC$ vuông tại A)

1 đ

1 đ

	Suy ra hình bình hành ADEM là hình chữ nhật (hình bình hành có 1 góc vuông) c/ H là trực tâm của tam giác ABE Suy ra $AK \perp BC$ Suy ra $DK \perp FK$	1đ
--	--	----

UBND QUẬN MA TRẬN
TÂN BÌNH ĐỀ THAM KHẢO
TRƯỜNG THCS KIỂM TRA CUỐI
LÝ THƯỜNG KÌ I
KIỆT NĂM HỌC 2022 -
2023

MÔN: TOÁN -
KHỐI 8

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	Cộng
Phân tích đa thức thành nhân tử	Đặt nhân tử chung	Hằng đẳng thức			
Số câu: Số điểm Tỉ lệ %	1câu: 1a <i>0,5 đ</i> 5%	1câu: 1b <i>0,5 đ</i> 5%			<i>2câu</i> <i>1 đ</i> <i>10%</i>
Thực hiện phép tính		<i>Cộng, Trừ 2 phân thức cùng mẫu</i>			

Số câu: Số điểm Tỉ lệ %		2 câu: 2a, 2b 1 đ 10%			2 câu 1 đ 10 %
Tìm x	<i>Nhân đơn thức với đa thức</i>	<i>Nhân đơn thức với đa thức, thu gọn</i>			
Số câu: Số điểm Tỉ lệ %	1câu: 3a <i>0,5đ</i> 5%	1câu: 3b <i>0,5đ</i> 5%			2 câu 1 đ 10%
Toán thực tế			<i>Tính giá tiền</i>		
Số câu: Số điểm Tỉ lệ %			1câu: 4 <i>1đ</i> 10%		1 câu 1 đ 10%
Toán thực tế	<i>Tìm chiều dài Tính diện tích</i>				
Số câu: Số điểm Tỉ lệ %	2câu: 5a, 5b <i>1đ</i> 10%				2 câu 1 đ 10 %
Toán thực tế	<i>Tính diện tích</i>	<i>tính giá tiền</i>			
Số câu: Số điểm Tỉ lệ %	1câu: 6a <i>1đ</i> 10%	1câu: 6b <i>1đ</i> 10%			2 câu 2 đ 20%
Hình học	<i>Đường trung bình của tam giác, hình thang</i>		<i>Hình chữ nhật, Hình thoi</i>	<i>Chứng minh vuông góc</i>	
Số câu: Số điểm Tỉ lệ %	1câu: 7a <i>1điểm</i> 10 %		1câu: 7b <i>1 điểm</i> 10 %	1câu: 7c <i>1 điểm</i> 10 %	3 câu 3 đ 30%
TỔNG CỘNG	6 câu 4 điểm 40 %	5 câu 3 điểm 30%	2 câu 2 điểm 20 %	1 câu 1 điểm 10 %	14 câu 10 đ 100%

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

BẢNG ĐẶC TẢ
ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA
CUỐI KÌ I
NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: TOÁN - KHỐI 8

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Phân tích đa thức thành nhân tử	Đặt nhân tử chung	Nhận biết: Tìm được nhân tử chung, rồi đặt nhân tử chung để phân tích đa thức thành nhân tử	1 câu			
		Hằng đẳng thức	Thông hiểu: Phân tích đa thức thành nhân tử (HĐT 3)		1 câu		
2	Thực hiện phép tính	Cộng 2 phân thức cùng mẫu	Thông hiểu: biết cộng hai phân thức cùng mẫu, đặt nhân tử chung, rút gọn.		1 câu		

		Trừ 2 phân thức cùng mẫu	Thông hiểu: biết trừ hai phân thức cùng mẫu, phân tích tử thức thành nhân tử (HĐT 3), rút gọn.		1 câu		
3	Tìm x	Nhân đơn thức với đa thức	Nhận biết: Nhân đơn thức với đa thức, tìm x	1 câu			
		Nhân đơn thức với đa thức	Thông hiểu: Nhân đơn thức với đa thức, thu gọn, tìm x		1 câu		
4	Toán thực tế	Tính giá tiền, tính diện tích	Thông hiểu: Tính số tiền sau giảm giá.			1 câu	
			Nhận biết: Tìm chiều dài, tính diện tích hình chữ nhật.	2 câu			
			Nhận biết: tính diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông Thông hiểu: Tính giá tiền	1 câu	1 câu		
5	Hình học	Đường trung bình của tam giác, hình thang	Nhận biết: Biết chứng minh đường trung bình của tam giác, từ đó chứng minh hình thang	1 câu			
		Hình chữ nhật	Vận dụng thấp: chứng minh hình chữ nhật			1 câu	
		Hình chữ nhật	Vận dụng cao : chứng minh vuông góc				1 c
Số câu				6	5	2	1
Số điểm				4	3	2	